TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-PT
Ngày: 17/9/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính và Ông Nguyễn Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Sự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 06 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐPT-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng N

Địa chỉ: L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị O - Phó giám đốc N chi nhánh huyện T, Bắc Ninh theo văn bản ủy quyền số 242/QĐ-TT-BN-KHKD ngày 04/6/2018 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Tr - Luật sư của Công ty luật C thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Na, sinh năm 1973 (Vắng mặt) và chị Bùi Thị Thu Th, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Tr, xã N, huyện Th, Bắc Ninh.

Anh Na và chị Th ủy quyền cho chị Phạm Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 9 ngõ 1, M, Đ, Đ, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Quang D, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tr, xã N, T, Bắc Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

3. Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện Đ,Thái Nguyên

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đ, K, thành phố B, Bắc Ninh.

5. Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Phố V, xã N, huyện T, Bắc Ninh.

7. Công ty dịch vụ và thương mại Nga H (TNHH)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1970;

Chức vụ: Giám đốc đại diện (Có mặt).

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện T, Bắc Ninh.

8. Văn phòng công chứng Th2

Do ông Lê Đăng Ph - Trưởng văn phòng làm đại diện.

Địa chỉ: Thị trấn Gi - huyện Gi - tỉnh Bắc Ninh.

(Ông Lê Đăng Ph đại diện VP công chứng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 23/6/2015 hộ anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân Hàng N chi nhánh huyện Th, đến ngày 25/6/2015 Ngân Hàng N chi nhánh huyện Th ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 26 số tiền là **1.400.000.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước, lãi suất vay theo hợp đồng là 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 23/12/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Na vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngày 07/01/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Na vay 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn) và ngày 25/5/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Na vay 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Tổng số tiền mà Ngân hàng đã giải ngân cho anh Na vay là **1.400.000.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*)

Do trước đó từ năm 2013 hộ anh Na đã có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng trong nhiều năm, để đảm bảo các khoản vay nên bà Nguyễn Thị T1 (Ph) đã có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp cụ thể ngày 26/6/2013 giữa Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp số 26 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Th. Đến ngày 17/6/2015, các bên có biên bản xác định lại tài sản đảm bảo. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 8, 9,10 tờ bản đồ số 01 có diện tích là 337m^2 tại thôn Tr, N, Th, Bắc Ninh để đảm bảo khoản tiền vay trên cho hộ anh Nguyễn Hoàng Na.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngày 23/6/2016 khoản nợ trên đã chuyển quá hạn. Ngân hàng thường xuyên phải đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện cho hộ anh Na nhưng hộ anh Na vẫn không trả nợ.

Tính đến ngày 06/03/2018, tổng dư nợ của hộ anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th tại Ngân Hàng N chi nhánh huyện T tổng cộng cả gốc và lãi là 1.697.285.141 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi năm*

nghìn, một trăm bốn mốt đồng). Trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, nợ lãi 297.285.141 đồng.

Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bị đơn là anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th phải trả cho Ngân Hàng N chi nhánh huyện T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/03/2018 là 1.697.285.141 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi năm nghìn, một trăm bốn mốt đồng*). Trong đó số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi phải trả (bao gồm lãi quá hạn và lãi chậm trả là 297.285.141 đồng). Anh Na, chị Th tiếp tục phải trả lãi đối với khoản tiền trên cho đến khi trả hết nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn Tr, Luật sư trình bày: Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định việc vay nợ giữa Ngân hàng với anh Na chị Th là có thật. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã làm đúng theo quy định pháp luật, việc trả lãi hàng tháng thì anh Na chị Th vẫn trả lãi cho Ngân hàng. Nếu hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa Na với một số cửa hàng: Hà H, Tứ Ng, Lê Xuân C …là không có thật thì chứng tỏ Na đã gian dối với Ngân hàng nhằm chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Nếu có sự gian dối thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng Na, chị Bùi Thị Thu Th do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phạm Thị Th trình bày:

Năm 2013, Công ty dịch vụ và thương mại Nga H (*gọi tắt là Công ty Nga H*) do anh Lê Xuân H làm giám đốc có nhờ anh Nguyễn Hoàng Na làm thủ tục đáo nợ với Ngân hàng N chi nhánh huyện T với số tiền là 1.400.000.000 đồng, hàng tháng Công ty Nga H vẫn có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng, việc ký Hợp đồng tín dụng chỉ là hình thức để hợp thức hóa việc đáo nợ cho Công ty Nga H, do anh Na nể nang và tin tưởng anh Lê Xuân H, là giám đốc công ty Nga H vì anh H là em rể anh Na và do sự am hiểu pháp luật hạn chế nên đã ký hợp đồng tín dụng do Ngân hàng đã soạn sẵn. Thực chất anh Nguyễn Hoàng Na không hề vay tiền của Ngân hàng N, Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 25/6/2015, Ngân hàng N Chi nhánh huyện T và ông Nguyễn Hoàng Na đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2607-LAV-201501182 với số tiền vay theo hợp đồng là 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay để mua vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, đồ điện nước các loại, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/ năm, mức cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 01 quý/lần vào ngày 01 tháng đầu của quý theo quy định hiện hành của ngân hàng N. Quá trình giải ngân như thế nào chị không nắm được, còn việc trả lãi thì chị được biết một số lần thì anh Nguyễn Hoàng Na là người trả lãi cho Ngân hàng, một số lần thì Công ty dịch vụ và thương mại Nga H trả lãi cho Ngân hàng, cụ thể trả lãi đến thời gian nào, trả gốc được bao nhiêu thì chị cũng chưa nắm được thông tin chị sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng thì anh Nguyễn Hoàng Na và bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ anh Nguyễn Hoàng Na) đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 144 và các biên bản xác định lại giá trị tài sản kèm theo đối với quyền sử dụng đất diện tích 337m^2 thuộc thửa số 8, 9, 10 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận số phát hành Y21 số vào sổ 01265 QSDĐ/QĐ 492 do UBND huyện T cấp ngày 23/12/2003 tại Tr, N, T, Bắc Ninh. Tất cả những hợp đồng vay từ năm 2013 đến năm 2015 được ký giữa anh Nguyễn Hoàng Na với Ngân hàng N chi nhánh huyện T cùng một số giấy tờ liên quan khác là không có thật mà chỉ là để hợp thức hóa cho Công ty Nga H đáo nợ tại Ngân hàng mà thôi. Việc xác nhận nợ giữa anh Na thông qua việc mua bán hàng hóa chuyển tiền từ Ngân hàng qua tài khoản của cửa hàng Tứ Ng; cửa hàng Hà H; cửa hàng Chính B và cửa hàng của Lê Xuân C đều là không có thật. Nay Công ty Nga H vẫn xác nhận khoản nợ trên đối với Ngân hàng và Công ty Nga H có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng. Nên đại diện bị đơn xác định Hợp đồng đã ký giữa anh Na và Ngân hàng chỉ là giả mạo, gian dối trái pháp luật và anh Na không đồng ý trả khoản nợ trên vì anh Na không phải là người vay tiền của Ngân hàng và không được thụ hưởng khoản tiền đó. Thực tế anh Nguyễn Hoàng Na không vay tiền của nguyên đơn, không nhận tiền của

nguyên đơn dưới bất cứ hình thức nào. Bản chất của Hợp đồng tín dụng trên là khoản vay đáo nợ của Công ty dịch vụ và thương mại Nga H.

Tại thời điểm năm 2015, hộ gia đình anh Nguyễn Hoàng Na có 04 thành viên là Nguyễn Hoàng Na, Bùi Thị Thu Th, Nguyễn Xuân Q và Nguyễn Hoàng Ph. Hợp đồng tín dụng trên ký với hộ anh Nguyễn Hoàng Na nhưng chỉ có chữ ký của anh Na chứ không có chữ ký của chị Th, anh Ph, anh Q. Anh Na không nhận tiền từ Ngân hàng, chị Th cùng các con Ph, Q cũng không sử dụng, không nhận tiền, không được hưởng bất cứ lợi ích từ số tiền vay của Ngân hàng. Mặt khác trong biên bản làm việc giữa chị với Ngân Hàng N tỉnh Bắc Ninh thì Ngân hàng cũng thừa nhận không lưu giữ hóa đơn chứng từ của việc mua bán hàng hoá nêu trên. Như vậy hợp đồng hạn mức tín dụng số 26 nêu trên là giả tạo, che giấu hợp đồng tín dụng giữa Công ty dịch vụ và thương mại Nga H với Ngân Hàng N Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét tuyên hợp đồng hạn mức tín dụng số 26 đã ký giữa ông Nguyễn Hoàng Na với nguyên đơn là vô hiệu và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Vũ Quang D, Luật sư trình bày: Công ty dịch vụ và thương mại Ng H có trụ sở tại Đ, Ng, T, Bắc Ninh do ông Lê Xuân H làm giám đốc có vay tiền 2.800.000.000 đồng tại Ngân Hàng N, Chi nhánh huyện T đến thời hạn trả nợ Công ty Nga H không trả được nên có nhờ anh Nguyễn Hoàng Na đứng ra nhận nợ giúp số tiền 1.400.000.000 đồng và Ngân hàng đã chủ động lập hợp đồng và yêu cầu anh Na ký, do không hiểu biết pháp luật nên anh Na đã ký vào Hợp đồng. Do Công ty Nga H chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ 1.400.000.000 đồng. Thực chất anh Na và chị Th không vay một khoản tiền nào của Ngân hàng các hợp đồng tín dụng từ năm 2013 đến năm 2015 và các giấy tờ xác nhận nợ cùng một số giấy tờ liên quan khác đều do Ngân hàng lập và bảo anh Na ký vào. Việc xác nhận nợ giữa anh Na thông qua việc mua bán hàng hóa, chuyển tiền qua tài khoản của cửa hàng T;

cửa hàng H; cửa hàng Ch và cửa hàng của Lê Xuân C đều là không có thật, anh Na không hề mua bán bồn nước, thiết bị vệ sinh, gạch ốp lát và vật liệu xây dựng như các giấy nhận nợ trên, qua xác minh tại các của hàng H, T và Lê Xuân C đều thể hiện từ trước đến nay không có việc mua bán bồn nước, thiết bị vệ sinh hay gạch ốp lát với anh Na và không được nhận tiền từ anh Na, chị Th điều này thể hiện không có việc anh Na mua bán với các cửa hàng đó thì không có việc Ngân hàng đã chuyển tiền cho các cửa hàng đó. Nay quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mà đề nghị Tòa án buộc Công ty Nga H có trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T1 có yêu cầu độc lập trình bày**:** Việc vay nợ giữa anh Na, chị Th như thế nào bà không biết tuy nhiên bà khẳng định khi ông Nguyễn Văn L (chồng bà) là chủ sử dụng thửa đất số 8, 9, 10 tờ bản đồ số 0 có diện tích là 427 m^2 tại thôn Tr, N, T, Bắc Ninh đến năm 2008 ông L chết không để lại di chúc, bà và các con bà chưa có cuộc họp gia đình, chưa làm thủ tục khai nhận di sản theo quy định pháp luật. Việc thế chấp với Ngân Hàng N chi nhánh huyện T là trái với quy định pháp luật, anh Th1 con trai bà không ký vào biên bản họp gia đình. Nay, bà khẳng định hợp đồng thế chấp là trái pháp luật và đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp số 26 tại Văn phòng Công chứng Th2.

Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Th1 trình bày: Xác định không có cuộc họp gia đình và nay đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng N chi nhánh huyện T.

Anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Đình T2 trình bày: Các anh đều xác định gia đình có kinh doanh vật liệu xây dựng thiết bị vệ sinh từ năm 2013 đến năm 2016, các anh có làm ăn, giao dịch với cửa hàng vật liệu xây dựng N, T ở Phố Ch, N, T, Bắc Ninh chủ cửa hàng là anh Nguyễn Hoàng Na người ở Tr, N. Sau khi mua bán hàng hóa với nhau thì anh Na có nợ các anh tiền hàng có hóa đơn kèm theo, từ năm 2013 đến năm 2016 anh Na đã vay tiền của Ngân hàng N Chi nhánh huyện T và nhiều lần chuyển tiền cho các anh vào tài khoản của hai anh để thanh

toán tiền hàng mà anh Na còn nợ. Cụ thể chuyển từng lần và ngày tháng chuyển thì nay các anh không nhớ vì khi thanh toán xong Ngân hàng đã thu hóa đơn mua hàng của các anh và các anh đã được nhận tiền do Ngân hàng trả. Còn việc anh Na, chị Th vay tiền của Ngân hàng bao nhiêu và như thế nào thì các anh không rõ mà các anh chỉ khẳng định đã nhiều lần được nhận tiền từ Ngân hàng do anh Na trả. Nay cả hai anh đều xác định giữa hai anh với cửa hàng Nam Th và Ngân Hàng N Chi nhánh huyện T không có gì liên quan đến nhau nên các anh đều đề nghị Tòa án không đưa các anh vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Văn phòng công chứng Th2 do ông Lê Đăng Ph làm đại diện trình bày: ngày 26/6/2013 Văn phòng công chứng Th2 có công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 26 giữa Chi nhánh ngân hàng N huyện T và bên thế chấp là bà Nguyễn Thị T1 (Ph) con Nguyễn Hoàng Na, bên vay vốn Nguyễn Hoàng Na và Bùi Thị Thu Th. Sau khi xem xét hợp đồng thế chấp, biên bản họp gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên đã cho bà T1 ký vào hợp đồng với tư cách bên B (Bên thế chấp). Việc ký kết được thực hiện tại văn phòng công chứng là khách quan, không có mục đích động cơ nào khác và việc Công chứng là hoàn toàn đúng pháp luật. Nay xảy ra tranh chấp hợp đồng văn phòng công chứng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Xuân H, giám đốc công ty dịch vụ và thương mại Nga H trình bày: Công ty dịch vụ Nga H do anh làm giám đốc có quan hệ vay vốn với Ngân hàng N chi nhánh T từ nhiều năm nay, thực chất số nợ của anh Na, chị Th tại Ngân hàng là do anh Na ký nhận nợ thay cho công ty từ năm 2013 cho tới nay. Nay, anh đề nghị Tòa án xem xét chuyển toàn bộ số nợ theo đơn khởi kiện của Ngân hàng kiện vợ chồng Nam Th sang cho Công ty dịch vụ và thương mại Nga H do anh làm giám đốc và anh sẽ có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại số 02/2018/KDTM-ST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Thuận Thành đã xử:

Áp dụng Điều 30, 35, Điều 144, 147, 227, 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 128, 137,142, 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005, Điều 25,27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 của chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T1 (Ph).

Bác yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th.

1. Buộc anh Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th phải trả Ngân Hàng N chi nhánh huyện T số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và lãi đến ngày 06/3/2018 là 297.285.141 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 1.697.285.141 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi năm nghìn, một trăm bốn một đồng*) và số nợ phát sinh tính trên số dư nợ gốc tính từ ngày 7/3/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số 2607-LAV201501182 ngày 25/6/2015 giữa bên cho vay Ngân Hàng N - Chi nhánh huyện T với bên vay hộ ông Nguyễn Hoàng Na do ông N làm chủ hộ đại diện.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26 ngày 26/6/2013 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T1 (Ph) đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Th2, là vô hiệu.

Ngân Hàng N chi nhánh huyện T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 (Ph) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y số vào sổ cấp giấy 0126 do UBND huyện T cấp ngày 23/12/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng Na làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến hợp đồng tín dụng đã tuyên vì cho rằng bản án sơ thẩm xử không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Cũng tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư Vũ Quang D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm xác định chủ thể sai khi buộc anh Na, chị Th phải trả nợ cho ngân hàng; Các chứng cứ về việc giải ngân của ngân hàng đối với anh Na, chị Th là không có mà chỉ là sự hợp pháp hóa hồ sơ của ngân hàng vì vậy đề nghị hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh về vấn đề này, còn nếu có đủ chứng cứ thì đề nghị công bố công khai tại phiên tòa.

Chị Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày nhất trí ý kiến của luật sư D và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm xác định chủ thể sai khi buộc anh Na, chị Th phải trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của luật sư Trần Văn Tr là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến không nhất trí với ý kiến, quan điểm của phía bị đơn. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân Hàng N, chi nhánh huyện T với anh Nguyễn Hoàng Na là hợp pháp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là nghiêm túc trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng Na nộp trong thời hạn luật định, nên chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Hoàng Na, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng số 2607 ngày 25/06/2015 giữa bên cho vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (*Bên A*) với bên vay hộ kinh doanh cá thể do ông Nguyễn Hoàng Na đại diện (*Bên B*) thấy:

Về chủ thể tham gia ký kết: Bên A do ông Nguyễn Thành L; Chức vụ: giám đốc chi nhánh ngân hàng N huyện T đại diện ký hợp đồng tín dụng là đúng chủ thể được quy định tại quyết định số 50 ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật (ủy quyền thường xuyên) để ký kết hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng đảm bảo cấp tín dụng với khách hàng…Bên B do ông Nguyễn Hoàng Na đại diện hộ kinh doanh cá thể theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể cấp ngày 05/12/2006 do UBND huyện T cấp cho ông N. Như vậy chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là đúng đối tượng, đủ thành phần và đều có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi theo quy định pháp luật để tham gia ký kết.

Về nội dung của hợp đồng cấp tín dụng: Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 1.400.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước, lãi suất vay theo hợp đồng là 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được ký kết trên cơ sở tự nguyện.

Về hình thức hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, thành hợp đồng tín dụng có các nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn cho vay…theo quy định tại Điều 17 Quyết định 1627 ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Xét về hình thức, nội dung, chủ thể hợp đồng tín dụng trên đều tuân thủ đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định của Bộ luật dân sự và pháp luật có liên quan. Do vậy giao dịch này là hợp pháp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

[2.2] Xét về quá trình thực hiện hợp đồng thấy: Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đúng cam kết, giải ngân đủ số tiền vay cho ông Na theo thỏa thuận là 1.400.000.000đ. Điều này được thể hiện tại các giấy nhận nợ ngày 23/12/2015 số tiền 500.000.000đ; giấy nhận nợ ngày 07/01/2016 số tiền 480.000.000đ; giấy nhận nợ ngày 25/5/2016 số tiền 420.000.000đ. Ngược lại phía ông Na đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 26/3/2016 khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện để anh Na trả nợ nhưng anh vẫn không trả nợ. Như vậy xét về lỗi, thì việc không thanh toán đầy đủ nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn trả theo thỏa thuận của anh Na là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Ngân hàng N chi nhánh huyện T đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh Na, chị Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2018 là 1.697.285.141đ, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn là đúng pháp luật. Nên kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng Na cho rằng Tòa án sơ thẩm nhận định đánh giá chứng cứ không khách quan và ra bản án có nội dung trái với quy định của pháp luật là không có căn cứ.

[3] Xét các lý do kháng cáo trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của bà Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền của anh Na, chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng thực tế hộ anh Na, chị Th và các con không vay tiền của Ngân hàng N chi nhánh huyện T dưới bất cứ hình thức nào. Bản chất của hợp đồng tín dụng này là khoản đáo nợ đối với các hợp đồng tín dụng năm 2013, 2014 của Công ty Nga H. Tại các buổi làm việc ở Tòa án cấp sơ thẩm Công ty Nga H đều thừa nhận số nợ 1,4 tỷ đồng trên là của mình và đề nghị được trả số tiền này. Với lý do kháng cáo trên Hội đồng xét xử thấy: Anh H (giám đốc Công ty Nga H) xác nhận việc anh Na đứng ra nhận nợ thay công ty Nga H 1,4 tỷ đồng tại Ngân hàng N chi nhánh T. Điều đó có nghĩa là anh H cũng thừa nhận anh Na là người ký kết các văn bản giấy tờ với Ngân hàng, anh Na là chủ nhân của khoản nợ trên về mặt pháp lý nên anh Na phải có trách nhiệm trả nợ với Ngân hàng. Việc giữa anh Na và Công ty Nga H có thỏa thuận

khác với nhau để anh Na đứng ra nhận nợ thay hay không thì Ngân hàng không cần biết, vì đó là việc riêng (cá nhân) của các bên không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa anh Na với Ngân hàng.

Lý do kháng cáo thứ hai, bà T (là người đại diện theo ủy quyền của anh Na, chị Th) cho rằng Ngân hàng không chứng minh được là đã giải ngân 1,4 tỷ đồng cho anh Na, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ 03 giấy nhận nợ ngày 23/12/2015 số tiền 500.000.000đ; giấy nhận nợ ngày 07/01/2016 số tiền 480.000.000đ; giấy nhận nợ ngày 25/5/2016 số tiền 420.000.000đ đều có ký tên xác nhận của anh Na, đây là những chứng cứ pháp lý quan trọng khẳng định việc anh Na đã được ngân hàng N Chi nhánh T giải ngân đủ số tiền 1,4 tỷ đồng. Việc bị đơn đưa ra các lý do như nguyên đơn không cung cấp được các hóa đơn, phiếu mua bán hàng, tài liệu chứng cứ chứng minh việc chuyển tiền từ nguyên đơn sang người thụ hưởng là Nguyễn Văn H số tài khoản 260 tại ngân hàng N chi nhánh T để chối bỏ nghĩa vụ trả nợ của anh Na với Ngân hàng là không thể chấp nhận được.

Lý do kháng cáo thứ ba, bà Th cho rằng hợp đồng tín dụng ghi bên vay là hộ ông N nhưng không có chữ ký của bà Th và 02 con, bà Th là giáo viên, việc kinh doanh của ông N chỉ là hộ kinh doanh cá thể. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc cả bà Th phải chịu trách nhiệm trả nợ, hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực là trái pháp luật. Xét lý do kháng cáo này, Hội đồng xét xử thấy: Trên cơ sở nhu cầu vay vốn để kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Hoàng Na (được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 1203/HKD ngày 05/12/2006 đại diện hộ là ông Nguyễn Hoàng Na). Do vậy quan hệ tín dụng giữa hộ kinh doanh cá thể do ông Na đại diện với Ngân hàng N chi nhánh huyện T thì quyền lợi, nghĩa vụ đều phải gắn với hộ kinh doanh cá thể này do ông N đại diện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Th (vợ ông N) cùng phải có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của hộ kinh doanh cá thể là chưa chính xác. Nên lý do kháng này của bị đơn là có căn cứ, cần sửa lại phần tuyên buộc chủ thể có nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án này cho đúng.

Đối với ý kiến chị Th cho rằng tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự Nguyễn Văn H về việc mua bán hàng hóa với ông Na mâu thuẫn với chứng cứ do luật sư của ông Na thu thập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất theo quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ có biên bản ghi lời khai của anh H do Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai, anh H xác nhận đã nhận đủ số tiền mua hàng của anh Na do Ngân hàng N chi nhánh T chuyển trả (BL299). Không có tài liệu chứng cứ nào do luật sư của anh Na thu thập có nội dung mâu thuẫn với lời khai của anh H như ý kiến bà Th đưa ra. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất để làm rõ lời khai của anh H là đúng pháp luật.

Do vậy, lý do kháng cáo của chị T là người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà Th đưa ra để cho rằng hợp đồng tín dụng trên là vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm đã nhận định, quyết định hợp đồng thế chấp số 26 ngày 26/6/2013 được lập tại Văn phòng Công chứng Th2 giữa bên nhận thế chấp Ngân Hàng N - Chi nhánh huyện T và bên thế chấp bà Nguyễn Thị T1 (Ph) vô hiệu là có căn cứ.

[4] Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm có một số lỗi như:

Thứ nhất, việc xác định yêu cầu phản tố: Tòa án sơ thẩm đã xác định yêu cầu xem xét tuyên hợp đồng tín dụng hạn mức số 26 đã ký giữa ông Nguyễn Hoàng Na với nguyên đơn là vô hiệu, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng của bị đơn là phản tố là chưa chính xác. Bởi lẽ, đây chỉ là ý kiến phản bác của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Phía nguyên đơn đã có đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng trên thì đương nhiên Tòa án phải xem xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng này mới có căn cứ để xem xét quyền, nghĩa vụ của các bên. Yêu cầu của bị đơn đưa ra cùng với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện nên không phải là phản tố.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập sau khi đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm đã xem xét, giải quyết tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trong quá trình giải quyết vụ án, vẫn đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Thứ ba, về việc áp dụng pháp luật: Tòa án sơ thẩm áp dụng Điều 25, 27 Luật hôn nhân gia đình trong vụ án này là chưa chính xác. Trách nhiệm trả nợ ngân hàng chỉ là hộ kinh doanh cá thể do ông Nguyễn Hoàng Na đại diện theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứ không phải hộ gia đình như bản án sơ thẩm tuyên buộc.

Về tạm ứng án phí, án phí: Tòa án sơ thẩm, tính mức tạm ứng án phí, án phí chưa đúng đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Từ ngày 01/01/2017 mức tiền tạm ứng án phí, án phí được áp dụng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Trong vụ án này, nếu Tòa án sơ thẩm coi yêu cầu của bị đơn là phản tố thì mức tính tạm ứng án phí, án phí phải áp dụng đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại không có giá ngạch . Đối với yêu cầu độc lập cần phải áp dụng đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại không có giá ngạch số tiền 3.000.000đ.

Tuy nhiên những sai sót trên của Tòa án sơ thẩm không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến nội dung, đường lối giải quyết vụ án và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Na được chấp nhận một phần nên anh Na không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng Na, sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng Điều 30, 35, Điều 144, 147, 227, 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 128, 137,142, 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T1 (Ph).

1. Buộc hộ kinh doanh cá thể do anh Nguyễn Hoàng Na đại diện phải trả Ngân Hàng N chi nhánh huyện T số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và lãi đến ngày 06/3/2018 là 297.285.141 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.697.285.141 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm bốn mốt đồng*).

Kể từ ngày 07/3/2018, nếu hộ kinh doanh cá thể do anh Nguyễn Hoàng Na đại diện không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vẫn phải chịu số tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký số 260 ngày 25/6/2015 giữa bên cho vay Ngân Hàng N - Chi nhánh huyện T với bên vay hộ ông Nguyễn Hoàng Na do ông N làm chủ hộ đại diện.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260 ngày 26/6/2013 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T1 (Ph) đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Th2, là vô hiệu.

Ngân Hàng N chi nhánh huyện T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 (Ph) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y213 số vào sổ cấp giấy 01265QSDĐ/QĐ492 do UBND huyện T cấp ngày 23/12/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn L.

3.Về án phí:

- Hộ kinh doanh cá thể do anh Nguyễn Hoàng Na đại diện phải chịu 62.918.554 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xác nhận anh

Nguyễn Hoàng Na và chị Bùi Thị Thu Th do chị Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền đã nộp 200.000 đồng án tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00840 ngày 05/07/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

- Trả lại Ngân hàng Ngân hàng N số tiền 27.582.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00635 ngày 12/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 (Ph) số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00699 ngày 05/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Hoàng Na không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại anh Nguyễn Hoàng Na số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 01244 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu TKT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng